TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1324/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lý

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 746/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T- sinh năm 1953 (có mặt)

Thường trú: khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị H- sinh năm 1960 (vắng mặt)

Thường trú: khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Hoàng Văn T trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ông và bà Mai Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1979, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định vào ngày 08/12/1979. Do việc kết hôn đã lâu và di chuyển chỗ ở nhiều nơi nên ông đã bị thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nay ông không có điều kiện để về Uỷ ban Nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định xin cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên ông không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn để cung cấp cho Toà án.

Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của ông bà bình thường cho đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn nhiều vấn đề, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gia đình đã họp lại giải quyết, vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chỉ được vài tháng sau thì tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra và lặp đi lặp lại không giải quyết được. Cuộc sống

của ông bà nay không còn hạnh phúc, ông bà không quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Ông đã lớn tuổi, các con đều đã trưởng thành nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H để ổn định tinh thần và cuộc sống.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Hoàng Thị Bích H1 sinh ngày 12/10/1980, Hoàng Thị Thu H2 sinh ngày 10/4/1983, Hoàng Bá T1 sinh ngày 04/10/1985 và Hoàng Văn L sinh ngày 01/5/1988. Tất cả đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Mai Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Mai Thị H cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Mai Thị H đã được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[3] Về hôn nhân: Ông Hoàng Văn T trình bày ông và bà H chung sống với nhau vào năm 1979 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định nhưng ông không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho Toà án. Qúa trình giải quyết vụ án, Toà án đã có công văn số 730/TAQTĐ ngày 10/8/2018 và công văn số 890/TAQTĐ ngày 21/9/2018 gửi Ủy ban Nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định yêu cầu cung cấp thông tin và cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của ông T và bà H. Tuy nhiên, Toà án không nhận được văn bản phúc đáp của Ủy ban Nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định. Căn cứ giấy khai sinh số B do Ủy ban Nhân dân thị trấn C, huyện C1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/02/1992 thì ông Hoàng Văn T và bà Mai Thị H có con chung là Hoàng Thị Bích H1 sinh ngày 12/10/1980 nên có căn cứ xác định ông T và bà H đã chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành) nên mặc

dù ông bà không có đăng ký kết hôn thì hôn nhân của ông bà vẫn được xem là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Ngày 29/6/2018, ông T nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà H, quá trình giải quyết vụ án, ông T kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của ông T: Ông T trình bày cuộc sống hôn nhân của ông bà từ năm 2015 xảy ra mâu thuẫn nhiều vấn đề, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tình trạng mâu thuẫn lặp đi lặp lại nhiều lần không giải quyết được mặc dù gia đình đã hoà giải. Cuộc sống của ông bà nay không còn hạnh phúc, ông bà không quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà H đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà H từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Trong khi đó, ông T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số B do Ủy ban Nhân dân thị trấn C, huyện C1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/02/1992; giấy khai sinh số E do Ủy ban Nhân dân thị trấn C, huyện C1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/11/1992; giấy khai sinh số S do Ủy ban Nhân dân thị trấn C, huyện C1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/12/1993; giấy khai sinh số P do Ủy ban Nhân dân thị trấn C, huyện C1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/7/2002 có căn cứ xác định ông T và bà H có 04 con chung tên Hoàng Thị Bích H1 sinh ngày 12/10/1980, Hoàng Thị Thu H2 sinh ngày 10/4/1983, Hoàng Bá T1 sinh ngày 04/10/1985 và Hoàng Văn L sinh ngày 01/5/1988. Tất cả đều đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông T xác định không có.

[7] Về án phí: Ông T thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên căn cứ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Mai Thị H.

2. Về con chung: 04 con chung tên Hoàng Thị Bích H1 sinh ngày 12/10/1980, Hoàng Thị Thu H2 sinh ngày 10/4/1983, Hoàng Bá T1 sinh ngày 04/10/1985 và Hoàng Văn L sinh ngày 01/5/1988. Tất cả đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T xác định không có.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn T. Trả lại cho ông Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Hoàng Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0022148 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Mai Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy